

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc: “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Phùng Minh P, sinh năm: 1964.

Ông Nguyễn Phùng Minh Q, sinh năm 1970.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1966.

Ông Nguyễn Phùng Minh T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: số nhà 23, lô 4, Hưng Phú, Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Phùng Lương P, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số nhà 20/23, Cô Bắc, Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:

Bà Lê Thị Yến N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp Giồng Chủ, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: 852 ấp Cầu Hòa, xã P, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: 465 ấp Kinh Cũ, xã P, huyện G, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941.

Địa chỉ: ấp Cầu Hòa, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944.

Địa chỉ: số 97/7/6, Thống Nhất, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thường trú: 228 (số cũ H18) Chu Văn An, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trung, bà Lang:

Bà Lê Thị Yến N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp Giồng Chủ, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp Kinh Cũ, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp Kinh Cũ, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 274 ấp Chợ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh L2, ông Nguyễn Thanh L1:

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 852 ấp Cầu Hòa, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964.

- Ông Trần Hiếu T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia thừa kế di sản của bà Bùi Thị Chính để lại là thửa đất số 457, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.039,4m²; thửa 458, tờ bản đồ số 18, diện tích 575,2m² và thửa 354, tờ bản đồ số 18, diện tích 258,8m² cùng tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh B.

2.1.1. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Phùng Minh Q, ông Nguyễn Phùng Minh P, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P, ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Thanh L2 được nhận thừa kế và cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất theo đo đạc thực tế thửa 457a, diện tích 84,9m² và thửa 458, diện tích 575,2m², tổng diện tích 660,1m², cùng tờ bản đồ số 18, mục đích sử dụng đất: CLN,

tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh B (thửa 457a, diện tích 84,9m² nhập vào thửa 458, diện tích 575,2m², thành tổng diện tích 660,1m²).

2.1.2. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Phùng Minh Q, ông Nguyễn Phùng Minh P, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P được nhận thừa kế phần đất theo đo đạc thực tế thửa 457b, diện tích 290,3m², thửa 457c, diện tích 448,5m², thửa 457d, diện tích 294,1m², cùng tờ bản đồ số 18, nhập thành tổng diện tích 1.032,9m², mục đích sử dụng đất: CLN, tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh B. Các ông, bà thống nhất để bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Phùng Minh Q đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.1.3. Ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Thanh L2 được nhận thừa kế phần đất theo đo đạc thực tế thửa 457e, diện tích 928,2m² tờ bản đồ số 18, mục đích sử dụng đất: CLN, tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh B. Các ông, bà thống nhất để ông Nguyễn Hữu P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.1.4. Ông Nguyễn Hữu P được nhận thừa kế và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 354, tờ bản đồ số 18, diện tích 258,8m², mục đích sử dụng đất: CLN, tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh B.

(có Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo).

2.2. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Phùng Minh Q, ông Nguyễn Phùng Minh P, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P có nghĩa vụ liên đới giao cho ông Nguyễn Hữu P số tiền bồi thường hoa màu trên đất và giá trị đất chênh lệch là 106.270.000 (một trăm lẻ sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với phần đất được chia thừa kế.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Phùng Minh P, bà Nguyễn Thị Ngọc T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

2.3.2. Ông Nguyễn Phùng Minh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.746.750 (bảy triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Phùng Minh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ

T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P mỗi người đã nộp là 1.142.500 (một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 0003229, 0003231, 0003232, 0003233 cùng ngày 24/3/2023 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông Nguyễn Phùng Minh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P còn phải liên đới nộp 3.176.750 (ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

2.3.3. Hoàn lại cho ông Nguyễn Phùng Minh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.142.500 (một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0003230 ngày 24/3/2023 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2.3.4. Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Thanh L2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.961.500 (sáu triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

2.3.5. Ông Nguyễn Phùng Minh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Thanh L2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.950.750 (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

2.3.6. Ông Nguyễn Phùng Minh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Phùng Minh T, ông Nguyễn Phùng Lương P phải chịu án phí sơ thẩm 2.656.750 (hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

2.4. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn tự nguyện chịu tổng cộng là 9.153.000 (chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn) đồng, không tranh chấp hay khiếu nại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đăng